



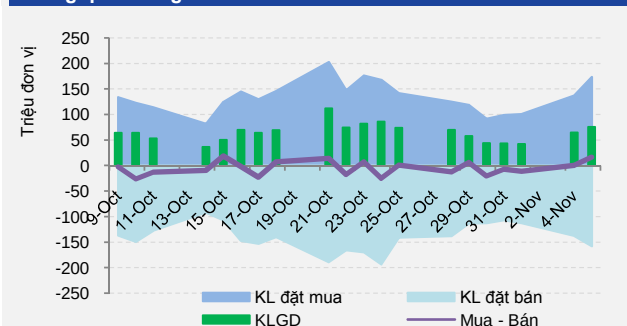
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 5/11/2013

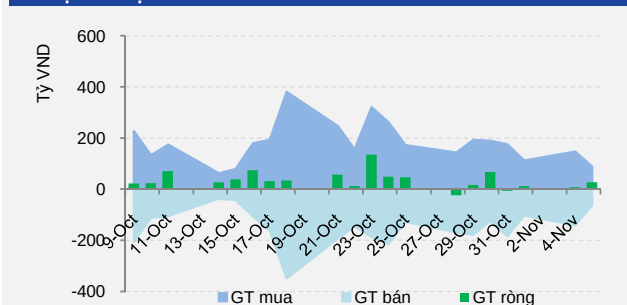
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	499.8	62.9
% Thay đổi	↑ 0.5%	↑ 0.8%
KLGD (CP)	75,859,798	53,452,052
GTGD (tỷ đồng)	865.33	349.47
Tổng cung (CP)	157,337,160	77,409,300
Tổng cầu (CP)	173,421,810	85,748,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	1,499,190	2,844,920
KL mua (CP)	2,210,080	3,094,908
GTmua (tỷ đồng)	88.69	10.21
GT bán (tỷ đồng)	61.91	11.16
GT ròng (tỷ đồng)	26.77	(0.96)

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.30%	7.5	1.6	2.8%
Công nghiệp	↑ 1.33%	258.8	1.0	25.0%
Dầu khí	↑ 2.22%	7.5	1.5	2.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.11%	13.7	1.8	2.1%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.39%	8.1	2.6	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.06%	12.2	4.9	10.6%
Ngân hàng	↑ 0.81%	7.1	1.3	4.6%
Nguyên vật liệu	↑ 0.43%	9.5	2.0	11.0%
Tài chính	↑ 0.52%	18.0	2.5	31.6%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.79%	9.0	3.3	9.1%
VN - Index	↑ 0.55%	12.9	2.9	71.4%
HNX - Index	↑ 0.77%	32.6	1.5	28.6%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	831,960	1.1%	121,320	0.2%
GTGD (tỷ VND)	13,348	1.5%	899	0.1%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index ghi nhận phiên tăng điểm với thanh khoản tiếp tục tăng so với phiên trước. Dòng tiền vẫn tập trung tại nhóm cổ phiếu thị giá thấp mang tính đầu cơ, thuộc ngành nghề dự kiến có triển vọng khả quan hơn như xây dựng, VLXD, BĐS, dầu khí... Lực cầu từ NĐTNN tại nhóm cổ phiếu Bluechips như BVH, GAS, DPM, VCB, PVD... cũng hỗ trợ khá đến thị trường chung, đưa chỉ số VN-Index lên mức gần cao nhất trong phiên.

Chỉ số VN-Index đang tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật 500-505 điểm. Thị trường dự báo sẽ giằng co trong phiên giao dịch tới, đi kèm với động thái chốt lời tại nhóm cổ phiếu penny đã tăng nóng. Dòng tiền dự báo vẫn quay vòng quanh nhóm cổ phiếu nhỏ, có hệ số cơ bản khá quan, thuộc nhóm ngành nghề kỳ vọng thông tin hỗ trợ.

Đối với sàn HNX, chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm thứ 6 liên tiếp, lên sát ngưỡng cản kỹ thuật 63 điểm. Áp lực chốt lời ở nhóm cổ phiếu nhỏ tăng nóng tăng so với phiên trước, tuy nhiên lực cầu tham gia thị trường khá mạnh. Diễn biến tăng điểm với thanh khoản tăng tiếp tục cho tín hiệu khá tích cực về mặt kỹ thuật. Lực cầu đang quan tâm tới sàn HNX, sau thời gian dài nhóm cổ phiếu tại sàn này theo xu hướng giảm vì thiếu hỗ trợ của dòng tiền. Thị trường dự báo có phản ứng tại ngưỡng cản kỹ thuật 63 điểm, khi 1/ HNX-Index đã tăng điểm 6 phiên liên tiếp; và 2/ diễn biến tăng nóng của nhóm cổ phiếu nhỏ mang tính đầu cơ khó kéo dài. Tuy nhiên với thực tế dòng tiền tham gia thị trường khá tích cực, xu hướng tăng điểm của HNX-Index đã được xác lập, dòng tiền dự kiến sẽ có sự luân chuyển giữa từng nhóm cổ phiếu.

Chúng tôi duy trì quan điểm nhà đầu tư giữ trạng thái danh mục, có thể xem xét tái cơ cấu danh mục theo hướng chuyển sang cổ phiếu cơ bản tốt, được dòng tiền quan tâm. Cần tránh mua đuổi cổ phiếu đã tăng nóng khi diễn biến tăng mang tính đầu cơ khó kéo dài.

- VN-Index tăng 2.72 điểm (0.55%) so với phiên trước, lên 499.79 điểm, gần mức cao nhất trong phiên.

- HNX-Index tăng 0.48 điểm (0.78%), lên 62.91 điểm, ghi nhận phiên tăng điểm thứ 6 liên tiếp.

- Theo tin từ Trung tâm Lưu ký VSD, trong tháng 10 có 52 NĐTNN được cấp mã số giao dịch, tăng 13% so với tháng 9 và gấp hơn 2 lần so với cùng kỳ năm trước. Tính từ đầu năm, cả nước đã có 604 NĐTNN được cấp mã, tăng 70% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, nhà đầu tư cá nhân là 357 người, tăng 2.5 lần cùng kỳ, nhà đầu tư tổ chức đạt 229 đơn vị, tăng 23 đơn vị so với cùng kỳ. Cùng với diễn biến giá tăng số lượng NĐTNN đăng ký mã số giao dịch mới, khối ngoại cũng đang tiếp tục xu hướng mua ròng liên tiếp kể từ tháng 10 đến nay. Trong hai tháng cuối Q3, khối ngoại mua ròng 1556 tỷ đồng trên sàn HOSE, 349 tỷ đồng trên sàn HNX.

- Theo bảng tính giá cơ sở ngày 3/11 của Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam (Vinpa), hiện tại giá cơ sở của mặt hàng xăng cao hơn giá bán lẻ 161 đồng/lít. Tính cả khoản bù lỗ 200 đồng/lít từ quỹ bình ổn giá, doanh nghiệp đầu mỗi đang lãi 39 đồng/lít xăng, ngoài phần lợi nhuận định mức 300 đồng/lít như quy định. Tình trạng này đã kéo dài từ gần cuối tháng 10, khi giá nhập khẩu bình quân 30 ngày đi xuống, quanh ngưỡng 111-112 đô la Mỹ/thùng. Tuy nhiên, trong cuộc họp báo thường kỳ tháng 11, Bộ Công thương cho biết, giá xăng dầu thế giới có xu hướng giảm nhưng mức giảm không đáng kể để có thể giảm giá xăng dầu trong nước.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
-------------	------------------	--------------------

Điều chỉnh	Tăng	Đi ngang
------------	------	----------

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
-------------	------------------	--------------------

Tăng	Tăng	Tăng
------	------	------

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 2.72 điểm (0.55%) so với phiên trước, lên 499.79 điểm, gần mức cao nhất trong phiên.

- KLGD tăng 19% so với phiên trước, lên 74.4 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI tăng lên mức 57, tâm lý thị trường có cải thiện. Chỉ báo MACD vẫn dao động phía dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh ngắn hạn.

Nhận định: Chỉ số VN-Index ghi nhận phiên tăng điểm với thanh khoản tiếp tục tăng so với phiên trước. Dòng tiền vẫn tập trung tại nhóm cổ phiếu thị giá thấp mang tính đầu cơ, thuộc ngành nghề dự kiến có triển vọng khả quan hơn như xây dựng, VLXD, BĐS, dầu khí... Lực cầu từ NĐTNN tại nhóm cổ phiếu Bluechips như BVH, GAS, DPM, VCB, PVD... cũng hỗ trợ khá đến thị trường chung, đưa chỉ số VN-Index lên mức gần cao nhất trong phiên.

Chỉ số VN-Index đang tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật 500-505 điểm. Thị trường dự báo sẽ giằng co trong phiên giao dịch tới, đi kèm với động thái chốt lời tại nhóm cổ phiếu penny đã tăng nóng. Dòng tiền dự báo vẫn quay vòng quanh nhóm cổ phiếu nhỏ, có hệ số cơ bản khả quan, thuộc nhóm ngành nghề kỳ vọng thông tin hỗ trợ.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.48 điểm (0.78%), lên 62.91 điểm, ghi nhận phiên tăng điểm thứ 6 liên tiếp.

- KLGD tiếp tục tăng 13% so với phiên trước, lên 48.7 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI tăng mạnh lên mức 70 điểm, tâm lý thị trường khá tích cực. Chỉ báo MACD 9 ngày đang nổi rộng khoảng cách ở phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm thứ 6 liên tiếp, lên sát ngưỡng cản kỹ thuật 63 điểm. Áp lực chốt lời ở nhóm cổ phiếu nhỏ tăng nóng tăng so với phiên trước, tuy nhiên lực cầu tham gia thị trường khá mạnh. Diễn biến tăng điểm với thanh khoản tăng tiếp tục cho tín hiệu khá tích cực về mặt kỹ thuật. Lực cầu đang quan tâm tới sàn HNX, sau thời gian dài nhóm cổ phiếu tại sàn này theo xu hướng giảm vì thiếu hỗ trợ của dòng tiền.

Thị trường dự báo có phản ứng tại ngưỡng cản kỹ thuật 63 điểm, khi 1/ HNX-Index đã tăng điểm 6 phiên liên tiếp; và 2/ diễn biến tăng nóng của nhóm cổ phiếu nhỏ mang tính đầu cơ khó kéo dài. Tuy nhiên với thực tế dòng tiền tham gia thị trường khá tích cực, xu hướng tăng điểm của HNX-Index đã được xác lập, dòng tiền dự kiến sẽ có sự luân chuyển giữa từng nhóm cổ phiếu.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN Q3 TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	VNH	HOSE	47.61	250.8%	6.68	1964.7%	63.91	77.4%	-1.3	-62.5%	-32.5%	1.0%
2	PXS	HOSE	303.33	121.5%	33.48	1665.7%	681.75	68.1%	49.18	79.2%	49.8%	1.4%
3	HQC	HOSE	99.18	121.8%	15.12	1468.0%	383.09	223.4%	27.95	202.4%	37.3%	1.1%
4	CMI	HNX	22.48	791.5%	5.05	1052.1%	23.22	81.8%	0.79	4.6%	3.4%	0.1%
5	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
6	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268.49	93.8%	14.19	426.1%	114.9%	20.8%
7	VHG	HOSE	71.63	178.9%	21.12	471.2%	167.27	125.1%	75.52	-345.0%	-377.6%	0.2%
8	TIE	HOSE	68	96.1%	33.35	354.0%	187.19	96.4%	40.99	240.0%	188.5%	4.1%
9	VPH	HOSE	237.3	1316.1%	9.83	330.2%	288.49	379.4%	10.51	-274.4%	26.2%	3.1%
10	VGS	HNX	492	81.8%	2.71	315.1%	1770.05	89.1%	6.92	187.5%	51.3%	2.2%

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI Q3 LỚN NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	121.4%	81.3%	49.0%
2	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	178.9%	122.1%	44.1%
3	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	103.9%	57.1%	49.0%
4	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	171.8%	129.1%	45.0%
5	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1891.8%	417.2%	10.4%
6	DRC	HOSE	629.78	96.7%	90.46	122.5%	2008.12	94.5%	279.28	128.2%	89.3%	29.0%
7	CSM	HOSE	805.09	105.9%	89.15	116.1%	2332.6	102.2%	257.73	138.4%	125.0%	12.9%
8	VSC	HOSE	213.22	108.5%	59.34	114.5%	576.71	99.7%	160.92	96.8%	100.3%	49.0%
9	HCM	HOSE	141.8	124.1%	56.52	128.5%	435.65	97.5%	180.32	86.7%	76.0%	49.0%
10	PGS	HNX	1815.09	125.0%	53.45	125.3%	4836.04	104.7%	150.56	169.6%	83.2%	24.0%

TOP CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2013

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1891.8%	417.2%	10.4%
2	BSI	HOSE	54.21	162.5%	5.16	167.1%	155.16	81.1%	9.23	19.4%	406.6%	0.6%
3	VTO	HOSE	393.57	89.1%	8.04	62.6%	1201.53	97.9%	23.44	54.5%	324.2%	2.0%
4	WSS	HNX	4.92	78.0%	4.83	219.6%	15.22	54.5%	5.1	-162.9%	222.7%	4.4%
5	SZL	HOSE	43.31	124.8%	17.28	239.3%	116.14	122.8%	36.47	152.5%	194.5%	4.1%
6	TIE	HOSE	68	96.1%	33.35	354.0%	187.19	96.4%	40.99	240.0%	188.5%	4.1%
7	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	16.6%
8	BTP	HOSE	262.28	105.1%	10.52	50.6%	1053.25	115.0%	80.57	104.6%	149.8%	1.4%
9	BVS	HNX	51.47	119.4%	21.97	212.3%	153.3	96.2%	78.6	103.5%	135.2%	2.2%
10	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%

Ghi chú: Chỉ lọc những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

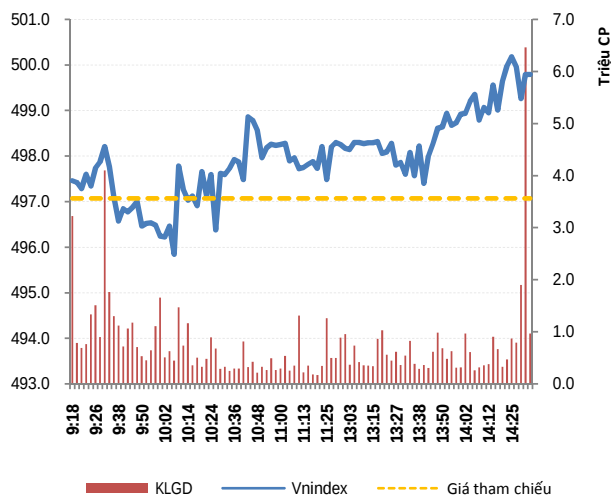
EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất (trừ khi ghi chú khác)

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

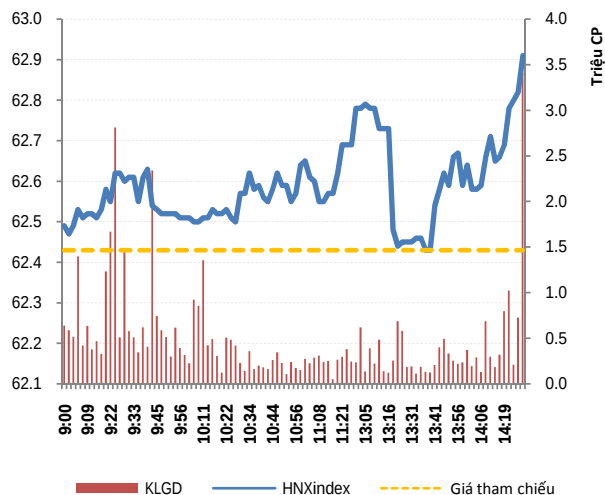
Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 05/11/2013.



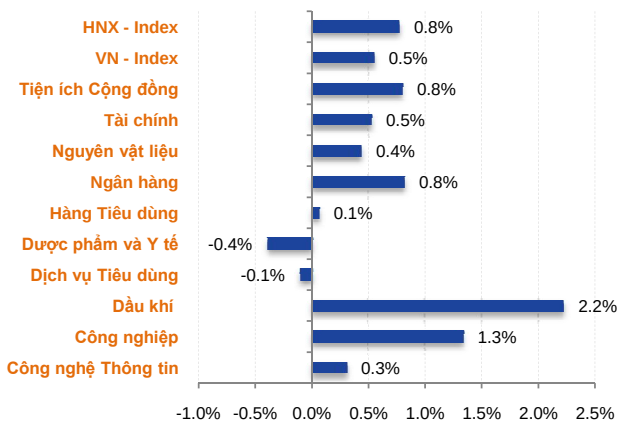
KLGD và VN-Index trong phiên



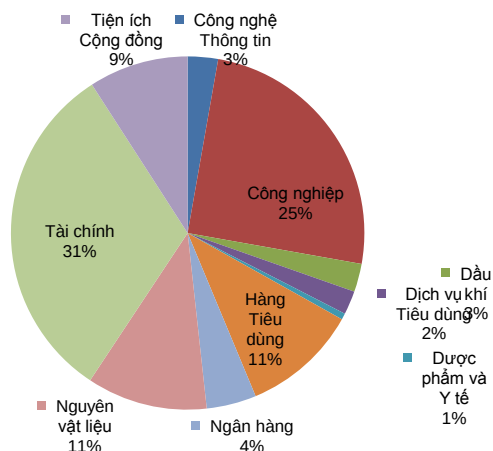
KLGD và HNX-Index trong phiên



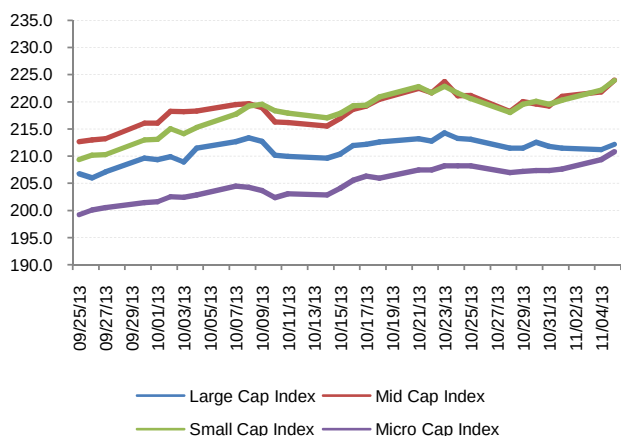
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



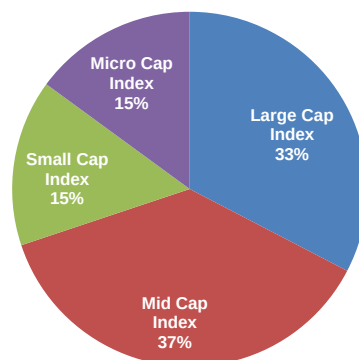
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	NLG	125,900	HBC	147,000
2	PVD	124,480	MSN	78,000
3	DPM	114,130	DQC	61,300
4	VCB	110,890	TNT	59,900
5	KBC	107,750	PAC	58,290

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	APS	324,700	DBC	120,000
2	VND	99,000	AAA	40,000
3	S96	57,700	HMH	40,000
4	EFI	32,000	VFR	31,000
5	PVS	27,000	SDD	30,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.2	6.3	↑ 1.61%	6,403,960
FLC	4.9	5.1	↑ 4.08%	4,299,080
HQC	6.3	6.5	↑ 3.17%	4,222,830
TLH	7.4	7.8	↑ 5.41%	2,733,540
SAM	7.4	7.7	↑ 4.05%	2,580,430

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	6.2	6.5	↑ 5.24%	7,525,830
PVX	2.3	2.4	↑ 4.39%	5,519,790
VCG	9.6	9.7	↑ 1.10%	2,812,065
PVL	2.6	2.8	↑ 7.50%	2,426,182
FIT	15.6	16.0	↑ 2.46%	2,379,600

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	0.6	0.7	0.1	↑ 16.67%
PXT	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
VNA	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
C47	17.5	18.7	1.2	↑ 6.86%
VNI	4.4	4.7	0.3	↑ 6.82%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHL	0.6	0.7	0.1	↑ 16.67%
SHN	0.7	0.8	0.1	↑ 14.00%
HPS	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
MIM	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CTI	7.3	6.8	-0.5	↓ -6.85%
PDN	32.2	30.0	-2.2	↓ -6.83%
HOT	26.5	24.7	-1.8	↓ -6.79%
TTP	25.0	23.3	-1.7	↓ -6.80%
ACL	9.5	8.9	-0.6	↓ -6.32%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CX8	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
TMC	10.0	9.0	-1.0	↓ -10.00%
TPH	7.0	6.3	-0.7	↓ -10.00%
VNN	4.1	3.7	-0.4	↓ -9.76%
PCG	5.2	4.7	-0.5	↓ -9.62%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	6,403,960	0.3%	31	205.9	0.5
FLC	4,299,080	4.3%	661	7.7	0.3
HQC	4,222,830	4.2%	452	14.4	0.6
TLH	2,733,540	16.5%	2,237	3.5	0.6
SAM	2,580,430	1.5%	269	28.6	0.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	7,525,830	-3.1%	(450)	-	0.5
PVX	5,519,790	-67.8%	(4,616)	-	0.6
VCG	2,812,065	1.3%	150	65.2	0.8
PVL	2,426,182	-4.9%	(526)	-	0.3
FIT	2,379,600	6.4%	741	21.6	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 16.7%	-1010.2%	(14,249)	-	(0.1)
PXT	↑ 6.9%	0.2%	23	135.2	0.3
VNA	↑ 6.9%	-24.3%	(3,315)	-	0.3
C47	↑ 6.9%	14.1%	2,684	7.0	0.9
VNI	↑ 6.8%	1.7%	175	26.9	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HHL	↑ 16.7%	-262.3%	(3,431)	-	1.1
SHN	↑ 14.0%	-123.3%	(3,000)	-	0.8
HPS	↑ 10.0%	-16.8%	(1,815)	-	0.3
MIM	↑ 10.0%	-5.2%	(594)	-	0.4
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	125,900	2.0%	259	66.1	1.3
PVD	124,480	21.5%	7,121	9.3	1.8
DPM	114,130	25.8%	6,550	6.4	1.6
VCB	110,890	9.9%	1,785	16.5	1.7
KBC	107,750	-10.2%	(1,412)	-	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
APS	324,700	0.8%	69	52.3	0.4
VND	99,000	10.9%	1,265	7.4	0.8
S96	57,700	-6.0%	(462)	-	0.4
EFI	32,000	5.1%	728	8.7	0.6
PVS	27,000	16.4%	2,738	6.1	1.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	122,228	41.6%	6,429	10.0	3.8
VNM	117,520	40.5%	8,053	17.5	7.0
VCB	68,132	9.9%	1,785	16.5	1.7
CTG	64,415	19.2%	2,571	6.7	1.2
VIC	60,430	38.3%	4,970	13.4	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,468	0.3%	41	385.7	1.2
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	7,505	16.4%	2,738	6.1	1.0
SHB	6,114	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	5,000	6.5%	564	44.3	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	2.51	9.9%	1,250	7.1	0.8
GMD	2.03	4.7%	1,866	16.5	0.8
BVH	1.91	9.0%	1,607	24.9	2.2
DIG	1.90	0.0%	0	46,181.7	0.8
PET	1.85	14.4%	2,610	8.3	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	7.29	-123.3%	(3,000)	-	0.8
TTZ	4.24	1.3%	135	27.4	0.3
ITQ	4.18	0.4%	42	137.7	0.6
HDA	4.08	14.3%	1,364	6.1	0.6
PVL	3.70	-4.9%	(526)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)